

Số: 341/BC-UBND

Hương Sơn, ngày 10 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông

Thực hiện Chương trình cải cách hành chính (CCHC) Nhà nước năm 2024; Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của UBND huyện Nam Đông về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024; Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Hương Sơn về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024; UBND xã báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Xây dựng, ban hành chương trình kế hoạch CCHC

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của UBND huyện Nam Đông về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của huyện Nam Đông, UBND xã Hương Sơn đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của UBND xã về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của xã Hương Sơn.

Nội dung của kế hoạch đã quy định rõ ràng các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện năm 2024, phát huy những kết quả đạt được và đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế; phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra, đảm bảo hoàn thành 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ.

Mức độ hoàn thành kế hoạch: Theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của UBND xã về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của xã Hương Sơn đã đề ra 19 nhiệm vụ cụ thể, UBND xã đã phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận chuyên môn thực hiện. Tính đến thời điểm báo cáo đã hoàn thành 15/19 nhiệm vụ mà kế hoạch đã đề ra từ đầu năm (đạt 78,94%); kết quả thực hiện các nhiệm vụ được nêu cụ thể tại các nội dung trong báo cáo.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác CCHC

Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND xã đã ban hành các văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện như: Chương trình công tác năm 2024 của UBND xã, Kế hoạch CCHC năm 2024, Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2024, Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024, Kế hoạch triển khai, phổ biến, giáo dục

pháp luật 2024, Kế hoạch kiểm tra, rà soát, văn bản quy phạm pháp luật năm 2024, Kế hoạch rà soát TTHC năm 2024, Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024, Kế hoạch tuyên truyền các văn bản chỉ đạo về CCHC...

Ngoài ra, UBND xã còn ban hành nhiều văn bản khác để nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC như các công văn, thông báo, kế hoạch đơn đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC. Nhìn chung, các văn bản chỉ đạo được các bộ phận, ban ngành triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và có hiệu quả.

Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, họp thường kỳ hàng tháng, UBND xã đều kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện nhiệm vụ CCHC của các công chức chuyên môn nhằm phát hiện những tồn tại, hạn chế để kịp thời chỉ đạo, đơn đốc khắc phục, góp phần hoàn thành có chất lượng các chỉ tiêu được giao.

3. Công tác tuyên truyền CCHC

Để công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện có hiệu quả, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã Hương Sơn năm 2024.

Theo đó, công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện bằng nhiều hình thức và nội dung khác nhau. Tăng cường lồng ghép tuyên truyền trong các cuộc hội nghị, các cuộc họp, tuyên truyền trên đài phát thanh và trên Trang thông tin điện tử xã. Thực hiện công tác tuyên truyền phải gắn với nội dung Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện, xã nhiệm kỳ 2020-2025. Bên cạnh đó còn đẩy mạnh tuyên truyền sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và không dùng tiền mặt, dịch vụ bưu chính công ích, chương trình chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND xã đã lồng ghép tập trung tuyên truyền một số văn bản như Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”; tuyên truyền việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân, tìm hiểu thông tin và sử dụng dịch vụ và tuyên truyền Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của UBND xã.

Bên cạnh đó, UBND xã tiếp tục tuyên truyền thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận TN&TKQ thông qua trao đổi trực tiếp với người dân khi đến giao dịch như hướng dẫn việc hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thực hiện các hình thức thanh toán trực tuyến.

Tiếp tục niêm yết công khai đầy đủ, thường xuyên, cập nhật thủ tục hành chính mới ban hành, hoặc mới sửa đổi bổ sung tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã. Tổ chức tiếp nhận ý kiến nhận xét, ý kiến kiến nghị của tổ chức, cá nhân về

thủ tục hành chính tại cơ quan để trao đổi, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, đã có 57 tin bài về CCHC được đăng tải lên trang thông tin điện tử xã. Hệ thống thông tin truyền thanh tiếp tục được duy trì hiệu quả với hệ thống các cụm loa đài phân bố đều ở các thôn đã đảm bảo cho các nội dung tuyên truyền đến được với tất cả nhân dân trên địa bàn xã, làm cho công tác tuyên truyền trên đài phát thanh đạt hiệu quả ngày càng cao.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong công tác tuyên truyền về cải cách hành chính tiếp tục được duy trì thường xuyên; phát huy và khai thác có hiệu quả các tiện ích của mạng xã hội có nhiều người dùng (như Zalo, Facebook...) trong việc tuyên truyền về các nội dung cải cách hành chính.

4. Về kiểm tra CCHC

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 về Kiểm tra công tác cải cách hành chính, thực hiện ý kiến chỉ đạo và kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng trên địa bàn xã năm 2024. Công tác kiểm tra tập trung vào hai nội dung lớn đó là: Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác CCHC và việc tổ chức triển khai thực hiện công tác CCHC trên các lĩnh vực. Đối tượng kiểm tra là các bộ phận chuyên môn UBND xã được giao nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024. Bên cạnh đó, hàng tuần, hàng tháng, UBND xã tổ chức họp chuyên môn, qua đó, kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận, ban ngành, phát hiện những khó khăn, vướng mắc, những điểm chưa phù hợp để tìm ra biện pháp tháo gỡ, đảm bảo công tác CCHC được thực hiện đúng quy định và đạt hiệu quả cao. Công tác kiểm tra theo kế hoạch sẽ được hoàn thành trong quý III năm 2024.

5. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, huyện giao

Trong 6 tháng đầu năm 2024, không có các nhiệm vụ đột xuất về CCHC do UBND tỉnh và huyện giao, các nhiệm vụ thường xuyên theo kế hoạch CCHC năm 2024 đều được UBND xã triển khai thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ và có chất lượng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về cải cách thể chế

a) *Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:* UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 về xây dựng, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã năm 2024, Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm 2024, HĐND và UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) *Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:* UBND xã luôn quan tâm chỉ đạo trong công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa

bàn, ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã năm 2024. Thường xuyên tổ chức rà soát, phát hiện những tồn tại, bất cập trong quá trình thực hiện thi hành pháp luật để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung. Đồng thời luôn đảm bảo các điều kiện cho cán bộ, công chức, tổ chức và công dân thi hành và thực hiện các quy định của pháp luật, nhất là các văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực.

c) *Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:* Để công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện đầy đủ, hiệu quả, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 về phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024. UBND xã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì phối hợp với các ban ngành có liên quan tham mưu các nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp. Trong 6 tháng đầu năm đã phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch và các đoàn thể xã tổ chức lồng ghép tuyên truyền CCHC với tuyên truyền, phổ biến pháp luật 06 cuộc tại các thôn và cho lực lượng đoàn viên thanh niên với 268 lượt người tham gia, đã tiếp nhận và cấp phát 100 tờ rơi tuyên truyền pháp luật. Bên cạnh đó, đã thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép tuyên truyền thông qua quá trình giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính khi tổ chức, cá nhân đến giao dịch và đăng tải tin bài về hướng dẫn thực hiện pháp luật lên trang Thông tin điện tử của xã tại chuyên mục thông tin tuyên truyền, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân cũng như rút ngắn thời gian, giải quyết hồ sơ nhanh chóng, thuận lợi.

d) *Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:* UBND xã đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 và thường xuyên rà soát trong quá trình triển khai thực hiện. Qua rà soát cho thấy trong mục rà soát, HĐND và UBND xã chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các văn bản hành chính thông thường nhìn chung đều ban hành đảm bảo về chức năng, thẩm quyền được giao.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

a) *Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:* UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 xã Hương Sơn. Thường xuyên nghiên cứu, rà soát các thủ tục hành chính trong quá trình triển khai thực hiện để đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC trình cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định.

b) *Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã:* Đến nay, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND xã là 137 TTHC, trong đó một phần là 79 thủ tục, toàn trình là 49 thủ tục, có 09 TTHC không đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến (*lĩnh vực khiếu nại tố cáo 05 thủ tục, đất đai 01 thủ tục và phòng chống tham nhũng 03 thủ tục*).

c) *Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:*

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa:

+ UBND xã đã bố trí phòng làm việc bảo đảm diện tích theo quy định (trên 40 m²). Hiện nay đã mua sắm, trang cấp đầy đủ trang thiết bị bao gồm 04 máy tính bàn, 02 máy in, 02 máy Scan, 04 máy quét mã vạch, 01 ky ốt tra cứu thông tin, 01 màn hình trình chiếu, hệ thống camera giám sát, tủ đựng tài liệu, bàn ghế phục vụ cho cán bộ, công chức làm việc và ngồi chờ của công dân, hệ thống bảng công khai thủ tục hành chính và các trang thiết bị cần thiết khác theo quy định được bố trí đầy đủ giúp cán bộ, công chức thực thi công việc tốt, nhân dân cảm thấy thoải mái, thuận lợi khi đến giao dịch.

+ Hệ thống các phần mềm ứng dụng phục vụ công việc và giải quyết TTHC cho người dân đều được cài đặt đầy đủ.

+ UBND xã tiếp tục duy trì thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) UBND xã theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn liên quan. Tăng cường theo dõi mọi hoạt động của Bộ phận TN&TKQ, đảm bảo 100% hồ sơ được trả đúng và trước hạn, và đẩy mạnh hỗ trợ, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến đảm bảo đạt theo kế hoạch đề ra.

+ Công chức làm việc trực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã được hưởng chế độ phụ cấp một cửa theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Ban hành quy định chính sách hỗ trợ cho CBCCVV làm việc tại TTHC công tỉnh, cấp huyện và BPTN và TKQ cấp xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Bên cạnh đó còn được hưởng các chế độ, phụ cấp khác theo quy chế của cơ quan cũng như quy định của Nhà nước.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: trong 6 tháng đầu năm 2024, 100% các hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đều được số hóa theo đúng quy định.

- Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: Từ 15/12/2023 đến 10/6/2024, Bộ phận TN&TKQ UBND xã đã tiếp nhận 281 hồ sơ (*mức độ 2 là 84 hồ sơ, mức độ 3 là 197 hồ sơ*); kết quả giải quyết hồ sơ như sau:

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết là 276 hồ sơ, trong đó: trước hạn là 256 hồ sơ, đúng hạn là 20 hồ sơ, trễ hạn là 00 hồ sơ.

+ Tổng hồ sơ đang giải quyết là 05 hồ sơ, trong đó: chưa tới hạn là 05 hồ sơ, quá hạn là 00 hồ sơ.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND xã không nhận được phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ phận TN&TKQ xã đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả tiến độ giải quyết TTHC của các bộ phận chuyên môn; báo cáo đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và nâng cao chất lượng, hiệu quả của cơ chế phối hợp trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết và trả

kết quả; đồng thời có thông báo kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang thông tin điện tử của xã.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- UBND xã thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, ban ngành thuộc UBND xã; ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 về việc phân công nhiệm vụ giữa Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên Ủy ban nhân dân và các công chức xã. Qua đó đã quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác khác của các thành viên và công chức thuộc UBND xã.

- Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo tiến hành rà soát, sắp xếp, bố trí và sử dụng chỉ tiêu biên chế được giao theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với vị trí việc làm và đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định. Đến nay, số lượng biên chế của xã là 18 người, phù hợp với quy định về quản lý và sử dụng biên chế của nhà nước, chất lượng từng bước đáp ứng được yêu cầu trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND xã đã xây dựng đề án vị trí việc làm gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo đúng quy định.

- Trên cơ sở các quy định của pháp luật và căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, UBND xã đã thực hiện nghiêm túc các quy định về phân cấp quản lý nhà nước ở địa phương.

4. Cải cách chế độ công vụ

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền của UBND xã, thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ chính sách của cán bộ, công chức đúng theo quy định. Trong 6 tháng đầu năm 2024 đã xét đề nghị nâng bậc lương định kỳ đối với 01 cá nhân, đề nghị chuyển ngạch công chức đối với 02 cá nhân, giải quyết chế độ theo quy chế chi tiêu nội bộ cho 02 cá nhân nghỉ và luân chuyển công tác.

Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của UBND huyện, UBND xã đã rà soát và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024 trên địa bàn xã. Theo đó, đã đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên chính cho 05 người. Trong 6 tháng đầu năm 2024 đã có 01 cán bộ được UBND huyện ban hành Quyết định cử đi học lớp chuyên viên chính.

Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 32/CT-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh. Cán bộ, công chức cơ quan xã chấp hành tốt nội quy, quy chế của cơ quan, quản lý và sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc theo quy định của nhà nước. Thực hiện tốt quy chế văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước. Thực hiện Kế hoạch số 147-KH/HU ngày 29/5/2024 của Huyện ủy về việc tổ chức Lễ chào cờ tại cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị trên địa bàn huyện Nam Đông, UBND xã đã triển khai tổ chức Lễ chào cờ tại trụ sở UBND xã đảm bảo theo đúng quy định.

5. Về cải cách tài chính công

Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, UBND xã đã rà soát và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024, chủ động trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Công tác quản lý và sử dụng ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2024 được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định, quản lý chặt chẽ các khoản chi, chi đúng mục đích và dự toán phân bổ. Trong 6 tháng đầu năm, UBND xã cũng đã tổ chức họp bàn và triển khai nhiều giải pháp để thu ngân sách có hiệu quả. Việc đánh giá, kiểm kê, mua sắm tài sản và trang thiết bị của cơ quan tiếp tục được quản lý chặt chẽ; việc mua sắm, thay thế trang thiết bị tuân theo trình tự, kế hoạch.

Thu bổ sung cân đối đến nay là 2.715.925.699 đồng; ước chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024 là 1.955.807.098 đồng. Thực hiện công khai dự toán ngân sách xã năm 2024 theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 về chuyển đổi số xã Hương Sơn năm 2024. Trên cơ sở đó, đã tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu trong kế hoạch đến tất cả cán bộ, công chức trong cơ quan xã.

Duy trì đảm bảo 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính, kết nối Internet; mạng CPNet liên thông 4 cấp từ xã đến Trung ương hoạt động ổn định, đảm bảo cho cán bộ, công chức làm việc. Việc trao đổi văn bản điện tử được thực hiện thường xuyên, 100% văn bản được gửi qua mạng (trừ văn bản mật).

Duy trì có hiệu quả Trang thông tin điện tử xã để cung cấp các văn bản chỉ đạo điều hành, thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp; trong 6 tháng đầu năm 2024, đã có 72 tin bài được đăng tải lên Trang thông tin điện tử xã; duy trì hoạt động trang Facebook của xã; triển khai hệ thống thông tin báo cáo tỉnh liên thông Chính phủ. Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo hướng dẫn của UBND huyện, thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các tiêu chí chính quyền điện tử cấp huyện, cấp xã. Ban hành Quyết định kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn trên địa bàn xã, xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động cho các Tổ công nghệ số cộng đồng năm 2024.

UBND xã đã ban hành Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về công bố và ban hành mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng áp dụng tại UBND xã năm 2024; Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 29/12/2023 về triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã năm 2024. Đến nay, 100% TTHC đều được xây dựng quy trình ISO. Công tác đánh giá nội bộ theo kế hoạch sẽ được tiến hành trong quý III năm 2024.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Công tác lãnh chỉ đạo về CCHC tiếp tục được quan tâm sâu sát. Các văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện CCHC đều được ban hành kịp thời, chất lượng, hiệu quả ngày càng được nâng lên, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành về CCHC.

Việc giải quyết TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tiếp tục được thực hiện có hiệu quả, 100% hồ sơ được giải quyết trước và đúng hạn.

Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được tổ chức thường xuyên dưới nhiều hình thức và ngày càng hiệu quả. Trang thông tin điện tử xã tiếp tục được duy trì và hoạt động hiệu quả.

Công tác kiểm soát TTHC tiếp tục được triển khai kịp thời, thường xuyên rà soát, công bố bộ TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND xã.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện công tác CCHC vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như: vẫn còn một số văn bản quá hạn chưa xử lý trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành; hệ thống phần mềm và cơ sở hạ tầng CNTT vẫn chưa ổn định, trong quá trình vận hành vẫn còn tình trạng chậm, nghẽn mạng, phát sinh lỗi, không truy cập được phần mềm...làm ảnh hưởng đến việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính đã đề ra.

- Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện công tác cải cách hành chính của địa phương; có giải pháp chỉ đạo cụ thể để chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức; chú trọng việc giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, không để xảy ra tình trạng giải quyết trễ hạn.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến khi tham gia giao dịch.

- Tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Triển khai Hội thi trực tuyến tìm hiểu công tác CCHC năm 2024 do tỉnh tổ chức đảm bảo 100% cán bộ, công chức, cán bộ bán chuyên trách tham gia đầy đủ và chất lượng cao.

- Thực hiện các nhiệm vụ công tác khác theo kế hoạch đã đề ra và theo yêu cầu của Phòng Nội vụ.

2. Về cải cách thể chế

Tiếp tục rà soát, kiểm tra, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật theo từng lĩnh vực.

3. Về cải cách thủ tục hành chính

- Tăng cường công tác rà soát các thủ tục hành chính và niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã và trên Trang thông tin điện tử, những nơi tiếp xúc với tổ chức, công dân, nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả. Trong đó, chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, sự chuyên nghiệp và sự tận tình trong công việc, tác phong, ngôn phong của cán bộ, công chức.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.

- Tăng cường rà soát việc thực hiện TTHC; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng để hồ sơ quá hạn; hạn chế tình trạng yêu cầu bổ sung hồ sơ nhiều lần; khắc phục tình trạng cá nhân, tổ chức thiếu thông tin khi tiếp cận TTHC, không được hướng dẫn đầy đủ, kịp thời, phải đi lại nhiều lần; kịp thời xử lý nghiêm cán bộ, công chức những nhiều, tiêu cực trong phục vụ nhân dân.

- Duy trì điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa xã.

- Thực hiện công tác kiểm soát TTHC, thường xuyên rà soát, bổ sung và thực hiện niêm yết, công khai minh bạch, rõ ràng và chính xác các TTHC.

- Duy trì cơ chế tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về quy định thủ tục hành chính; về hành vi của công chức làm việc tại Bộ phận một cửa xã bằng hình thức thông báo công khai đường dây nóng, hòm thư góp ý.

- Tiếp tục tuyên truyền vận động các cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ Bưu chính công ích khi tham gia giao dịch và lợi ích của dịch vụ công trực tuyến. Tăng cường hỗ trợ các cá nhân/tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

4. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

Tiếp tục kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan; bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh, UBND huyện.

5. Cải cách chế độ công vụ

Thường xuyên cử công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn do huyện, tỉnh tổ chức. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành

chính, thực hiện văn hóa công sở trong cán bộ, công chức. Triển khai đánh giá cán bộ, công chức hàng quý đảm bảo đúng quy trình, quy định.

6. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính bảo đảm đúng quy định. Thực hiện công khai quyết toán ngân sách, rà soát, hoàn thành các kết luận thanh tra trong lĩnh vực tài chính theo yêu cầu của cấp trên.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc sử dụng các phần mềm dùng chung và hạ tầng an ninh mạng.

Ban hành và cập nhật đầy đủ các quy trình ISO, đảm bảo 100% TTHC được xây dựng quy trình và công bố. Theo dõi và cập nhật, xử lý ý kiến của UBND tỉnh, UBND huyện giao trên phần mềm đúng quy trình.

Thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ có hiệu quả.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không có

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của UBND xã Hương Sơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Nội vụ huyện;
- CT, PCT UBND xã;
- Các bộ phận chuyên môn UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Thanh Nghi

Phụ lục 2
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	13	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	78,94%	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	19	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	15	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	<i>Vấn đề</i>		
3.3.2	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	<i>Vấn đề</i>		
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		

5.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			do UBND huyện chuyển xử lý theo lĩnh vực của đơn vị được giao về CCHC
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			do UBND huyện chuyển xử lý theo lĩnh vực của đơn vị được giao về CCHC
6.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
6.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
6.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
6.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
7.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
7.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	276	
7.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
8.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Phụ lục 3**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>		
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		

Phụ lục 4**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	2	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	2	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	137	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	137	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	01	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	87	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		

3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	276	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	276	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	

Phụ lục 5
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	18	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	18	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			

3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Phụ lục 6**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người		

Phụ lục 7**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	100	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	3,887	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	3,887	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	<i>Đơn vị</i>		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	<i>Đơn vị</i>		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Phụ lục 8**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	3	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	

5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%		
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	79	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	79	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	6	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	49	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	49	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	2	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	128	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	128	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	70,1	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	281	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	197	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	

6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	29	
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	29	